

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2022/HS-ST**

Ngày: 23 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hữu Dụng

2. Bà H' Rum Niê

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HS ngày 9 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn V; Sinh ngày: 10/3/1960; tại: tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Số 25 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Hưu trí (nguyên là Giám đốc Công ty TNHH MTV Cà phê E); Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông Nguyễn Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị C1 (đã chết); Bị cáo có vợ là Hồ Thị Phương L3, bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2021 đến ngày 17/11/2021. Ngày 18/11/2021 bị cáo được thay đổi và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Hải H; Sinh ngày: 10/7/1965; tại: tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Buôn Kram, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Hưu trí (Nguyên là Kế toán trưởng Công ty Cà phê E); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bị cáo là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Con ông Lê Văn B2 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T6; Bị cáo có vợ là Trần Thị X1 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/7/2021 đến ngày 17/11/2021. Ngày 18/11/2021 bị cáo được thay đổi và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Đỗ Thị V1; Sinh ngày: 14/9/1968; tại: thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn 11, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Hiện đang làm Kế toán tại Công ty Cà phê E; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị C2; Bị cáo có chồng là Nguyễn Hữu T7, và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V: Luật sư Nguyễn Đình H8 –Văn phòng luật sư T, Chi nhánh TP B, Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 200 đường N, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Hải H từ chối người bào chữa cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH MTV Cà phê E.

Địa chỉ: Km 15, Quốc lộ A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Công P, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Cà phê E. Có mặt.

2. Ông Trần H1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

3. Ông Y C, sinh năm 1957; Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

4. Bà Trần Thị Thanh V2, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

5. Ông Vũ Quang T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

6. Ông Nguyễn Viết N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

7. Ông Đậu Anh T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Hẻm 372 H, buôn C, Phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

8. Ông Phạm Công P, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 22/16 Phạm H, TDP 8, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

9. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984; Địa chỉ: 04 đường C, tổ 3, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

10. Ông Đinh Minh T3, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

11. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cà phê E (Sau đây gọi tắt là Công ty cà phê E) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000181886, đăng ký lần đầu ngày 05/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/11/2015, có trụ sở tại Km15 Quốc lộ A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vốn điều lệ 30 tỷ đồng, chủ sở hữu là Tổng Công ty Cà phê V. Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong thời gian từ năm 2010 đến 2019 là ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960, trú tại số 25 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giữ chức danh Giám đốc trong thời gian từ năm 2010 đến 2014 và giữ chức danh Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2019. Công ty cà phê E là đơn vị hạch toán độc lập, Công ty có 02 đơn vị chi nhánh trực thuộc là Nông trường Cà phê D, địa chỉ tại xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Nông trường Cà phê H, địa chỉ tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Trong các năm 2012 và 2016 để có nguồn tiền chi bù đắp lại cho những khoản chi đã tạm ứng và các chi phí khác của Công ty Cà phê E, Nguyễn Văn V đã bàn bạc với Lê Hải H sinh năm 1965, trú tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là Kế toán trưởng của Công ty Cà phê E, chỉ đạo Đỗ Thị V1 sinh năm 1968, trú tại thôn 11, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là Kế toán của Công ty cà phê E lập không 04 chứng từ kế toán là các phiếu chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho để quyết toán chi tổng số tiền 1.066.855.200 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm đồng). Cụ thể:

*** Đối với hành vi lập không chứng từ kế toán năm 2012**

Khoảng đầu năm 2012, để có nguồn tiền bù đắp cho các khoản tạm ứng đã chi của Công ty Cà phê E, Nông trường Cà phê D, Nông trường Cà phê H và chi cho các hoạt động khác của Công ty, Nguyễn Văn V đã bàn bạc với Lê Hải H về việc lập không chứng từ chi phí vận chuyển cà phê nhập kho của Công ty và 02 Nông trường, sau đó H chỉ đạo Đỗ Thị V1 lập không danh sách chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho trong niên vụ cà phê năm 2011 - 2012 theo sản lượng thực tế là 5.112.089 tấn với đơn giá vận chuyển là 80.000 đồng/tấn, mặc dù trên thực tế không có khoản chi này.

Thực hiện chỉ đạo của V và H, V1 đã lập không danh sách chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho của 10 đội sản xuất thuộc Công ty Cà phê E và 02 Nông trường trực thuộc. Theo danh sách V1 lập thì Đội sản xuất số 01 do ông Trần Viết H3 làm đội trưởng, chi số tiền 9.744.080 đồng; Đội sản xuất số 02 do ông Nguyễn Văn T2 làm đội trưởng, chi số tiền 8.579.360 đồng; Đội sản xuất số 03 do ông Lê Hoài N2 làm đội trưởng, chi số tiền 6.419.840 đồng; Đội sản xuất số 04 do ông Y S Niê làm đội trưởng, chi số tiền 13.044.720 đồng; Đội sản xuất số 05 do ông Y S1 Ktla làm đội trưởng, chi số tiền 9.412.960 đồng; Đội sản xuất số 06 do ông Y T Byă làm đội trưởng, chi số tiền 20.268.400 đồng; Đội sản xuất số 07 do ông Nguyễn Hữu T3 làm đội trưởng, chi số tiền 5.287.600 đồng; Đội sản xuất số 08 do ông Nguyễn Văn T4 làm đội trưởng, chi số tiền 17.077.680 đồng; Đội sản xuất số 09 do ông Nguyễn Đức H4 làm đội trưởng, chi số tiền 15.348.640 đồng; Đội sản xuất số 10 do bà Nguyễn Thị L làm đội trưởng, chi số tiền 9.772.840 đồng; Nông trường Cà phê D do ông Vũ

Quang T làm Giám đốc, chi số tiền 140.671.840 đồng; Nông trường Cà phê H do ông Nguyễn Viết N làm Giám đốc, chi số tiền 153.339.040 đồng. Tổng số tiền chi phí vận chuyển cà phê nhập kho được lập không là 408.967.000 đồng (Bốn trăm lẻ tám triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Sau khi lập xong bảng danh sách thì V1 đưa lại cho H và H đưa danh sách cho ông Hoàng Văn N1 là Phó Giám đốc Công ty Cà phê E. Đến khoảng cuối tháng 01 năm 2012, Công ty Cà phê E tổ chức cuộc họp tổng kết vụ thu hoạch, sau khi kết thúc cuộc họp ông N1 đã gọi lần lượt 10 Đội trưởng của 10 Đội sản xuất thuộc Công ty Cà phê E và Giám đốc của 02 Nông trường có tên trong danh sách vào phòng làm việc và yêu cầu những người này ký tên vào danh sách đã lập không, khi những người được yêu cầu ký tên thắc mắc thì ông N1 trả lời là thực hiện theo chỉ đạo của ông V Giám đốc nên nhờ mọi người ký xác nhận để Công ty có nguồn quyết toán các chi phí, có vấn đề gì thì Lãnh đạo Công ty sẽ chịu trách nhiệm. Sau khi nghe ông N1 nói vậy thì 10 Đội trưởng của 10 đội sản xuất thuộc Công ty Cà phê E và 02 Giám đốc của 02 Nông trường trực thuộc đã ký vào danh sách nhận tiền, thực tế những người này không được nhận bất kỳ khoản tiền nào chi cho việc vận chuyển cà phê nhập kho. Sau đó ông N1 chuyển lại danh sách đã có chữ ký cho ông H để hoàn tất thủ tục kế toán. Đến ngày 26/3/2012, ông V ký quyết định số 23A/QĐ/CT về việc chi tiền vận chuyển cà phê vụ thu hoạch 2011 – 2012, tổng số tiền chi là 408.967.000 đồng, sau khi có quyết định chi tiền của V, H đã chỉ đạo V1 lập phiếu chi số 345 ngày 16/7/2012 với nội dung chi trả tiền chi phí vận chuyển cà phê nhập kho vụ 2011 – 2012 và đưa cho bà Trần Thị H2 là thủ quỹ của Công ty để chi. Số tiền này thực tế không được dùng để chi trả chi phí vận chuyển cà phê nhập kho mà được dùng để bù đắp lại các khoản tạm ứng đã chi không đúng quy định trước đó như chi tặng quà, chi tiếp khách gồm số tiền 250.000.000 đồng do ông Hoàng Văn N1 tạm ứng tại Giấy tạm ứng và Phiếu chi số 56 ngày 16/01/2012; Thu tạm ứng tại Nông trường D số tiền 54.800.000 đồng do ông Vũ Quang T ứng chi theo phiếu chi số 69 ngày 18/01/2012; Thu tạm ứng tại Nông trường H số tiền 58.200.000 đồng do Nguyễn Văn V ký duyệt chi cho ông Phạm Công P là Trưởng phòng Tổ chức hành chính Nông trường H tại phiếu chi số 527 ngày 15/01/2012. Ngoài các khoản tiền thu tạm ứng thì Công ty Cà phê E đã sử dụng 39.920.800 đồng để chi cho các hoạt động thăm ốm, tặng quà, tiếp khách, hỗ trợ và tổ chức sự kiện. Sau khi chi các khoản kể trên còn dư số tiền 6.046.200 đồng thì H đã chỉ đạo bà Nguyễn Thị B là thủ quỹ của công ty nhập số tiền còn lại vào quỹ tiền mặt của công ty.

Như vậy, Nguyễn Văn V, Lê Hải H và Đỗ Thị V1 đã thực hiện hành vi lập không chứng từ là phiếu chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho với số tiền 408.967.000 đồng, trong đó đã hợp thức chi sai cho các khoản tạm ứng là 402.920.800 đồng, còn 6.046.200 đồng chưa chi được nhập vào quỹ của Công ty Cà phê E. Vì vậy, thiệt hại xảy ra do hành vi lập không chứng từ chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho năm 2012 là 402.920.800 đồng (bốn trăm lẻ hai triệu chín trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng).

*** Đối với hành vi lập không chứng từ kế toán năm 2016.**

Ngày 19/10/2015, Nguyễn Văn V ký Thông báo số 158/TB-CT về việc trả lương năm 2015 và phụ cấp vụ thu hoạch cà phê năm 2015 – 2016, trong đó có nội dung chi trả chi phí vận chuyển sản phẩm cà phê nhập kho với đơn giá 200.000 đồng/tấn. Sau khi vụ thu hoạch cà phê kết thúc, khoảng đầu tháng 01 năm 2016, V đã chỉ đạo Lê

Hải H triển khai thực hiện việc lập không chứng từ chi phí vận chuyển cà phê nhập kho để có nguồn tiền hợp thức các khoản đã chi tạm ứng và chi phí khác cho Công ty. Thực hiện chỉ đạo của V, H đã gọi điện thoại cho Nguyễn Viết N lúc này là Giám đốc Nông trường Cà phê D và Phạm Công P lúc này là Giám đốc Nông trường Cà phê H yêu cầu lập bảng tổng hợp thanh toán chi phí vận chuyển cà phê nhập kho và gửi về Công ty. Khi nghe H yêu cầu như vậy thì ông N và ông P đã hỏi lý do lập không bảng tổng hợp thanh toán chi phí vận chuyển cà phê nhập kho thì ông H trả lời là thực hiện theo sự chỉ đạo của ông V để quyết toán một số khoản chi phí của Công ty. Chấp hành sự chỉ đạo của cấp trên, ông N và ông P đã chỉ đạo Kế toán của Nông trường tiến hành lập bảng tổng hợp chi phí vận chuyển cà phê nhập kho.

Tại Nông trường Cà phê D, ông N đã chỉ đạo ông Đậu Anh T1 là Kế toán của Nông trường thực hiện theo hướng dẫn của H, căn cứ vào sản lượng cà phê thu hoạch thực tế trong niên vụ năm 2015 – 2016 của Nông trường và lập “Bảng tổng hợp chi phí vận chuyển sản phẩm nhập kho tại xưởng chế biến Nông trường niên vụ 2015 - 2016” với đơn giá 200.000 đồng/tấn. Ông T1 lập bảng tổng hợp chi phí vận chuyển cà phê nhập kho của 04 đội sản xuất thuộc Nông trường, trong đó Đội sản xuất số 01 do ông Nguyễn Hữu H5 làm đội trưởng, chi số tiền 71.559.000 đồng; Đội sản xuất số 02 do ông Phạm Hồng L1 làm đội trưởng, chi số tiền 68.870.200 đồng; Đội sản xuất số 03 do ông Hoàng Kim P1 làm đội trưởng, chi số tiền 87.946.000 đồng; Đội sản xuất số 04 do ông Lê Văn N3 làm đội trưởng, chi số tiền 70.473.000 đồng. Tổng số tiền chi vận chuyển cà phê nhập kho của 04 đội sản xuất là 298.848.200 đồng. Sau đó, ông T1 gọi 04 đội trưởng của 04 đội sản xuất lên phòng kế toán của Nông trường để ký xác nhận vào bảng tổng hợp, khi được yêu cầu ký tên, các đội trưởng của 04 đội sản xuất đã hỏi ông T1 và ông N là tại sao không chi trả, không được nhận khoản tiền này mà phải ký? Thì ông T1 và ông N trả lời là thực hiện theo chỉ đạo của Giám đốc Nguyễn Văn V và Kế toán trưởng Lê Hải H nên lập và ký xác nhận vào danh sách này để Công ty quyết toán lấy tiền chi thưởng và chi phí tết cho Công ty. Sau khi nghe ông T1 và ông N nói như vậy thì 04 đội trưởng của 04 đội sản xuất đã ký tên xác nhận vào bảng tổng hợp, ông T1 ký vào mục Kế toán, ông N ký vào mục Giám đốc rồi chuyển tài liệu này về Công ty Cà phê E cho ông Lê Hải H.

Tại Nông trường Cà phê H, ông P đã chỉ đạo ông bộ phận Kế toán của Nông trường gồm ông Nguyễn Văn T2 là Kế toán trưởng của Nông trường và ông Đinh Minh T3 là Kế toán của Nông trường thực hiện theo hướng dẫn của ông H, căn cứ vào sản lượng cà phê thu hoạch thực tế trong niên vụ năm 2015 – 2016 của Nông trường lập “Bảng tổng hợp thanh toán vận chuyển cà phê nhập kho vụ 2015 – 2016”. Ông T2 và ông T3 đã lập bảng tổng hợp thanh toán vận chuyển cà phê nhập kho của 04 đội sản xuất thuộc Nông trường. Theo đó, Đội sản xuất số 01 do ông Lê Trọng B1 làm đội trưởng, chi số tiền 75.412.000 đồng; Đội sản xuất số 02 do ông Hà Công T5 làm đội trưởng, chi số tiền 50.030.000 đồng; Đội sản xuất số 03 do ông Bùi Văn H6 làm đội trưởng, chi số tiền 68.667.400 đồng; Đội sản xuất số 04 do ông Lê Hoài N2 làm đội trưởng, chi số tiền 840.800 đồng. Tổng số tiền chi vận chuyển cà phê nhập kho của 04 đội sản xuất là 194.950.200 đồng, sau khi lập xong bảng tổng hợp, ông T2 gọi 04 đội trưởng của 04 đội sản xuất lên phòng kế toán của Nông trường để ký tên xác nhận vào bảng tổng hợp, khi được yêu cầu ký xác nhận, các đội trưởng của 04 đội sản xuất đã hỏi ông T2 và ông P là tại sao không chi trả, không được nhận khoản

tiền này mà phải ký? Thì ông T2 và ông P trả lời là thực hiện theo chỉ đạo của Giám đốc Nguyễn Văn V và Kế toán trưởng Lê Hải H nên lập và ký xác nhận vào danh sách này để Công ty quyết toán lấy tiền chi thường và chi phí Tết cho Công ty. Sau khi nghe ông T2 và ông P nói như vậy thì 04 đội trưởng của 04 đội sản xuất đã ký tên xác nhận vào bảng tổng hợp, ông T3 ký tên vào mục lập bảng, ông T2 ký tên vào mục Kế toán trưởng, ông P ký tên vào mục Giám đốc rồi chuyển tài liệu này về Công ty Cà phê E cho ông Lê Hải H.

Tại Công ty Cà phê E, theo sự chỉ đạo của ông V, ông H đã chỉ đạo Đỗ Thị V1 căn cứ theo sản lượng cà phê thu hoạch niên vụ 2015 – 2016 của Công ty để lập không Bảng thanh toán chi phí vận chuyển cà phê nhập kho với đơn giá 200.000 đồng/tấn. Thực hiện chỉ đạo của V và H, V1 đã lập “Bảng thanh toán chi phí vận chuyển số lượng cà phê nhập kho năm 2015 – 2016” tại 10 Đội sản xuất của Công ty đề ngày 31/12/2015. Theo đó, Đội sản xuất số 01 do ông Nguyễn Văn T2 làm đội trưởng, chi số tiền 7.737.800 đồng; Đội sản xuất số 02 do ông Trần Đình H7 làm đội trưởng, chi số tiền 9.608.400 đồng; Đội sản xuất số 03 do ông Trần Xuân L2 làm đội trưởng, chi số tiền 4.023.000 đồng; Đội sản xuất số 04 do bà Lê Thị Thanh C làm đội trưởng, chi số tiền 3.014.200 đồng; Đội sản xuất số 05 do ông Y N Ktla làm đội trưởng, chi số tiền 7.040.600 đồng; Đội sản xuất số 06 do ông Y T1 Byă làm đội trưởng, chi số tiền 31.938.400 đồng; Đội sản xuất số 07 do ông Nguyễn Hữu T3 làm đội trưởng, chi số tiền 6.405.400 đồng; Đội sản xuất số 08 do ông Nguyễn Văn T4 làm đội trưởng, chi số tiền 36.865.200 đồng; Đội sản xuất số 09 do ông Nguyễn Trọng Đ làm đội trưởng, chi số tiền 34.529.200 đồng; Đội sản xuất số 10 do bà Nguyễn Thị L làm đội trưởng, chi số tiền 22.864.600 đồng. Tổng số tiền chi phí vận chuyển cà phê nhập kho của 10 Đội sản xuất thuộc Công ty Cà phê E được lập không là 164.089.800 đồng. Sau khi lập xong bảng tổng hợp thanh toán thì V1 đưa lại cho H, sau đó H gọi 10 Đội trưởng của 10 Đội sản xuất thuộc Công ty lên phòng Kế toán của Công ty và yêu cầu ký xác nhận vào bảng tổng hợp thanh toán chi phí vận chuyển cà phê nhập kho. Khi được yêu cầu ký tên xác nhận vào bảng tổng hợp thì những người này hỏi H tại sao không chi, không N1 tiền mà lại phải ký? thì H trả lời là thực hiện theo sự chỉ đạo của V để quyết toán lấy tiền chi phí Tết cho Công ty và thưởng hoàn thành kế hoạch cho cán bộ, công nhân viên của Công ty. Khi nghe H nói vậy thì 10 Đội trưởng của 10 Đội sản xuất đã ký tên xác nhận vào bảng thanh toán chi phí vận chuyển số lượng cà phê nhập kho năm 2015 – 2016.

Sau khi nhận được 03 bảng chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho niên vụ 2015 – 2016 của Nông trường Cà phê D, Nông trường Cà phê H và Công ty Cà phê E thì H đã chỉ đạo V1 lập 03 phiếu chi thanh toán tiền vận chuyển cà phê vụ 2015 – 2016 gồm Phiếu chi số 90 ngày 04/3/2016 số tiền chi 164.089.800 đồng; Phiếu chi số 107 ngày 21/3/2016 số tiền chi 298.848.200 đồng; Phiếu chi số 116 ngày 25/3/2016 số tiền chi 194.950.200 đồng. Sau khi lập xong, V1 ký vào mục người lập, H ký vào mục Kế toán trưởng, V ký vào mục Giám đốc rồi hoàn tất thủ tục và chuyển cho bà Nguyễn Thị B là thủ quỹ của Công ty để chi tiền. Tổng số tiền 657.888.200 đồng của 03 phiếu chi này thực tế không được dùng để chi trả tiền vận chuyển cà phê nhập kho mà dùng 573.380.000 đồng để bù lại những khoản tạm ứng đã chi trước đó cho các hoạt động tặng quà, khen thưởng và hoạt động khác của Công ty Cà phê E, Nông trường Cà phê D và Nông trường Cà phê H. Còn lại số tiền 84.508.200 đồng được

nhập vào quỹ tiền mặt của Công ty Cà phê E. Số tiền này sau đó được Công ty Cà phê E hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty tại báo cáo tài chính năm 2016.

Ngày 09/02/2018, Kiểm toán Nhà nước có văn bản thông báo số 329/TB-KTNN về việc thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cà phê E. Theo đó, Kiểm toán Nhà nước yêu cầu Công ty Cà phê E xuất toán số tiền chi sai năm 2016 là 657.888.200 đồng ra khỏi chi phí sản xuất, kinh doanh và điều chỉnh lại sổ kế toán, báo cáo tài chính, hạch toán vào nợ phải thu của Công ty.

Ngày 27/4/2018, căn cứ vào bảng tổng hợp phân phối lợi nhuận năm 2015, 2016, Tổng Công ty Cà phê V đã phê duyệt và ban hành Công văn số 267/TCT-TCKT cho phép Công ty Cà phê E trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và hạch toán số tiền chi sai năm 2016 là 657.888.200 đồng vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

Như vậy, các bị cáo đã có hành vi lập không chứng từ là các phiếu chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho năm 2016. Tuy nhiên, do số tiền chi sai đã được Kiểm toán Nhà nước phát hiện, yêu cầu khắc phục và Tổng Công ty Cà phê V đã cho Công ty Cà phê E trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và hạch toán chuyển số tiền chi sai vào quỹ này nên không có hậu quả xảy ra (BL: 220 – 342; 444 – 1022; 2965 – 2986; 3109 - 3120).

Tại kết luận giám định số 1968 ngày 14/8/2017 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk đã kết luận số tiền 1.066.855.200 đồng các hộ công nhân và hộ nhận khoán không N1 được các khoản chi này vì không có trong hợp đồng giao nhận khoán là hình thức lập không chứng từ, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Kế toán 2003 về hành vi giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán. Do lập không 04 chứng từ chi số tiền 1.066.855.200 đồng nên hậu quả thiệt hại cho Nhà nước chính là số tiền Công ty Cà phê E đã lập không để chi là 1.066.855.200 đồng. Trách nhiệm cá nhân thuộc về Kế toán và Giám đốc Công ty Cà phê E (BL: 152; 153).

Tại kết luận giám định số 174 ngày 04/3/2019 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ ký dưới mục Giám đốc mang tên Nguyễn Văn V trên các phiếu chi số 345 ngày 16/7/2012; phiếu chi số 90 ngày 04/3/2016; phiếu chi số 107 ngày 21/3/2016; phiếu chi số 116 ngày 25/3/2016 so với chữ ký của Nguyễn Văn V là do cùng một người ký ra và chữ ký dưới mục Kế toán trưởng mang tên Lê Hải H trên các phiếu chi số 345 ngày 16/7/2012; phiếu chi số 90 ngày 04/3/2016; phiếu chi số 107 ngày 21/3/2016; phiếu chi số 116 ngày 25/3/2016 so với chữ ký của ông Lê Hải H là do cùng một người ký ra (BL: 146; 147).

Tại kết luận giám định số 1089 ngày 14/12/2021 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ ký dưới mục người lập mang tên “Đỗ V1” trên các phiếu chi số 345 ngày 16/7/2012; phiếu chi số 90 ngày 04/3/2016; phiếu chi số 107 ngày 21/3/2016; phiếu chi số 116 ngày 25/3/2016 so với chữ ký của Đỗ Thị V1 là do cùng một người ký và viết ra (BL: 157 – 162).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Trong quá trình khám xét nơi ở, nơi làm việc của bị cáo Nguyễn Văn V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật gồm: 01 biên bản giao nhiệm vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc (gồm 19 trang); 01 Quyết

định về việc xử lý cà phê thiếu hụt so với Quyết định giao khoán chế biến tại xưởng chế biến Nông trường cà phê D; 01 biên bản trích biên bản họp Hội đồng xử lý cà phê thiếu hụt so với quyết định giao khoán tại xưởng chế biến Nông trường H vụ 2016 - 2017; 01 bản tổng hợp kết quả chế biến 2013 – 2018 (BL: 102).

Ngoài ra, trong vụ án còn có ông Trần H1 là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Cà phê E giai đoạn 2010 – 2014. Ông H1 đã thực hiện trách nhiệm giám sát việc thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên nhưng không phát hiện được sai phạm của Giám đốc và Kế toán. Tổng Công ty Cà phê V đã ban hành Quyết định về việc kỷ luật đối với ông Trần H1 bằng hình thức khiển trách.

Ông Hoàng Văn N1 nguyên là Phó Giám đốc Công ty Cà phê E năm 2012, ông N1 đã chết vào năm 2016.

Ông Y C và bà Trần Thị Thanh V2 là Kiểm soát viên của Công ty Cà phê E giai đoạn năm 2014 – 2020. Ông Y C và bà Trần Thị Thanh V2 đã thực hiện trách nhiệm kiểm soát thông qua sổ sách, báo cáo tài chính định kỳ của Công ty, tuy nhiên các sai sót trên sổ sách, báo cáo đã được khắc phục nên không phát hiện được vi phạm.

Đối với những người đã ký xác nhận vào danh sách chi tiền vận chuyển sản phẩm cà phê nhập kho năm 2012, năm 2016 không có trường hợp nào ký xác nhận với số tiền từ đủ 100.000.000 đồng trở lên. Những người này ký là do thực hiện theo yêu cầu chỉ đạo của cấp trên, bản thân họ không được hưởng lợi ích gì.

Đối với ông Vũ Quang T, Nguyễn Viết N tại thời điểm năm 2012, ông T là Giám đốc Nông trường Cà phê D, ông N là Giám đốc Nông trường Cà phê H đã có hành vi ký xác nhận vào danh sách chi tiền vận chuyển sản phẩm cà phê nhập kho niên vụ 2011 – 2012. Tuy nhiên, số tiền thực tế do Nông trường D tạm ứng chi sai và được hợp thức từ nguồn chứng từ lập không đủ 100.000.000 đồng, ông T, ông N không tham gia, bàn bạc với V, H, V1 về việc lập không chứng từ chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho.

Đối với Đậu Anh T1, tại thời điểm năm 2016 ông T1 là Kế toán của Nông trường Cà phê D, đã thực hiện chỉ đạo của cấp trên, trực tiếp lập và đưa cho các Đội trưởng của các đội sản xuất thuộc Nông trường ký xác nhận vào danh sách chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho niên vụ năm 2015 – 2016 với tổng số tiền là 298.848.200 đồng. Tuy nhiên, không có hậu quả thiệt hại xảy ra trong việc lập không chứng từ.

Đối với ông các ông Phạm Công P, Nguyễn Văn T2 và Đinh Minh T3, tại thời điểm năm 2016 ông P là Giám đốc Nông trường Cà phê H, ông T2 là Kế toán trưởng, ông T3 là kế toán đã thực hiện chỉ đạo của V và H lập không danh sách chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho niên vụ năm 2015 – 2016. Tuy nhiên, không có hậu quả thiệt hại xảy ra.

Đối với bà Trần Thị H2 và bà Nguyễn Thị B là thủ quỹ của Công ty Cà phê E thực hiện việc chi tiền theo các phiếu chi, bà H2 và bà B không tham gia, không biết việc các bị cáo V, H, V1 thực hiện hành vi lập không chứng từ chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho, không hưởng lợi ích gì từ việc lập không chứng từ.

Những người trên Viện kiểm sát nhận dân tỉnh Đắk Lắk không đề cập, xử lý.

Cáo trạng số: 39/CT-VKS-P3 ngày 24/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Hải H, Đỗ Thị V1 về tội “Vi phạm quy

định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 221 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo cơ bản đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, tranh luận và đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Hải H, Đỗ Thị V1 phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 221; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự (Áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo V, H)

1.1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V** từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Xử phạt bị cáo **Lê Hải H** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị V1** 18 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng Công ty Cà phê V và Công ty Cà phê E không có yêu cầu về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V trình bày quan điểm:

Luật sư đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng truy tố bị cáo V. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác và có nhiều năm được tặng bằng khen, danh hiệu chiến sỹ thi đua, bị cáo V đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả xảy ra với số tiền 250.000.000 đồng, bị cáo thực hiện hành vi không vì mục đích vụ lợi, không có thiệt hại về kinh tế, được Tổng Công ty Cà phê V và Công ty TNHH MTV Cà phê E xin giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo đang bị bệnh. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới 03 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Công ty TNHH MTV Cà phê E xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị cáo V đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa, các bị cáo H, V1, V xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Qua tranh luận, đối đáp, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo V vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cơ bản đúng như bản Kết luận điều tra, Bản cáo trạng. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, nhằm bù đắp lại những khoản tạm ứng đã chi và để có nguồn tiền chi cho các hoạt động khác của Công ty. Trong năm 2012 tại Công ty Cà phê E, bị cáo Nguyễn Văn V đã chỉ đạo các bị cáo Lê Hải H, Đỗ Thị V1 cùng Hoàng Văn N1 (đã chết) lập khống chứng từ là phiếu chi tiền vận chuyển cà phê nhập kho trong niên vụ cà phê năm 2011 – 2012 để hợp thức, bù lại những khoản tiền tạm ứng đã chi không đúng quy định trước đó vào việc tặng quà, chi khen thưởng gây hậu quả thiệt hại số tiền **402.920.800 đồng** (*Bốn trăm lẻ hai triệu chín trăm hai mươi ngàn tám trăm đồng*). Như vậy, Bản Cáo trạng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Hải H, Đỗ Thị V1 về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”, quy định tại điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 221 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 221 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong những hành vi sau đây, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán;

2. Phạm tội thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 12 năm.

d) Gây thiệt hại từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”

Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kế toán được nhà nước quản lý bằng Luật kế toán, đồng thời gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều có nghiệp vụ kế toán và nhận thức được rằng việc lập khống chứng từ kế toán để quyết toán tiền của nhà nước là vi phạm pháp luật. Do đó, cần phải xét xử và áp dụng mức hình phạt thích đáng là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo, mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét thấy trong vụ án này có 03 bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, vai trò, hành vi của mỗi bị cáo trong vụ án là khác nhau. Bị cáo Nguyễn Văn V là Giám đốc Công ty và bị cáo Lê Hải H là kế toán trưởng Công ty đã bàn bạc và chỉ đạo bị cáo

Đỗ Thị V1 là kế toán Công ty lập không chứng từ năm 2012 và gây thiệt hại là 402.920.800 đồng. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, các bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác và có nhiều năm được tặng bằng khen, danh hiệu chiến sỹ thi đua, các bị cáo đều được Công ty TNHH MTV E xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Văn V và Lê Hải H đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả xảy ra với tổng số tiền là 402.920.800 đồng, trong đó bị cáo Nguyễn Văn V nộp số tiền 250.000.000 đồng, bị cáo Lê Hải H nộp số tiền 152.920.800 đồng. Bị cáo V1 có bố là người có công với cách mạng, là người đang bị bệnh nặng.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo tương ứng các tình tiết giảm nhẹ mà từng bị cáo được hưởng là phù hợp, nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không vì mục đích tư lợi cá nhân mà sử dụng chi tặng quà Tết, chi thưởng hoàn thành kế hoạch và các hoạt động khác để duy trì hoạt động Công ty, đã khắc phục toàn bộ số tiền gây thiệt hại là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đồng thời các bị cáo là những người có thành tích xuất sắc trong công tác nhiều năm liền. Xét thấy, các bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly với xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo tự cải tạo tại chỗ, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp. Như vậy, cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tổng Công ty Cà phê V và Công ty Cà phê E không có yêu cầu về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với các tài liệu thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn V có liên quan đến vụ án và các tài liệu là 01 tập tài liệu năm 2012 gồm 485 trang, 01 tập tài liệu năm 2016 gồm 432 trang, 01 báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012, 01 báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 thu giữ của bị cáo Lê Hải H có liên quan đến vụ án tiếp tục lưu theo hồ sơ.

Đối với các đồ vật gồm 08 quyển sổ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20 màu xám đen của bị cáo Lê Hải H không liên quan đến nội dung vụ án nên cần trả lại cho bị cáo Lê Hải H.

Đối với 01 máy tính xách tay hiệu HP số series 8CG5160W77 của Công ty Cà phê E không liên quan đến nội dung vụ án nên cần trả lại cho Công ty Cà phê E.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Hải H, Đỗ Thị V1 phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 221; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 221; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Hải H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 221; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị V1** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Lê Hải H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; giao bị cáo Đỗ Thị V1 cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

2.1. Trả lại cho bị cáo Lê Hải H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 20 màu xám đen SỐ IMEI 1: 350247872744423 số IMEI 2: 353791662744421 có gắn sim 1 mang số thuê bao 0903529009, sim 2 mang số thuê bao 0943843135; 01 quyển sổ bìa màu xanh, kích thước (20x15)cm có ghi chữ “Xây dựng đảng”; 01 quyển sổ bìa màu đỏ, kích thước (21x15)cm có ghi chữ “Agenda”; 01 quyển sổ bìa màu nâu, kích thước (21x15)cm có ghi chữ “Agenda”; 01 quyển sổ bìa màu đen, kích thước (24x16)cm có ghi chữ “Công ty Cà phê E, nông trường D”; 01 quyển sổ bìa màu nâu, kích thước (23x18)cm có ghi chữ “Agribank chi nhánh Đắk Lắk”; 01 quyển sổ bìa màu đỏ, kích thước (24,5x17)cm có ghi chữ “Classic”; 01 quyển sổ bìa màu đen, kích thước (26,5x18)cm, có ghi chữ “Công ty Cà phê E”; 01 quyển sổ bìa màu đen, kích thước (26,5x18,5)cm có ghi chữ “Công ty Cà phê E”.

2.2. Trả lại cho Công ty Cà phê E 01 chiếc máy tính xách tay hiệu HP số series 8CG5160W77.

(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn V, Lê Hải H, Đỗ Thị V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường T, UBND xã E, UBND xã H.
- Các bị cáo;
- Người TGT;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr